TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày: 14 – 4 – 2023
V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **Trịnh Thùy Vân**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Trần Văn Bé Hai.**
  2. Ông **Phạm Phước Tâm.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 687/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST- DS, ngày 09/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-DS, ngày 24/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tùng là anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ (Văn bản ủy quyền ngày 24/02/2022)

Bị đơn:

1. Chị Phan Thị T, sinh năm 1973
2. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Đ.

(Anh M có mặt; chị T và anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thanh T trình bày*:**

Do chỗ quen biết nên vào ngày 06/10/2020 anh T và chị T có vay của anh T số tiền là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi nghìn đồng), có viết biên nhận ngày 06/10/2020, anh T đã giao đủ số tiền trên cho anh T và chị T, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, mục đích vay là để kinh doanh mua bán vật tư nông nghiệp. Thời hạn vay là hai bên có thỏa thuận là khi nào anh T cần thì anh T sẽ thông báo cho anh T và chị T biết trước 01 tháng để anh T và chị T trả số tiền trên cùng tiền lãi cho anh T. Anh T đã nhiều lần yêu cầu anh T và chị T trả tiền vay cùng tiền lãi, nhưng anh T và chị T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện, sau đó anh T và chị T có hứa đến ngày 6/7/2021 mỗi tháng sẽ trả một 100.000.000 đồng, nhưng đến ngày 6/7/2021 anh T và chị T chỉ trả được 50.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa cho đến nay. Như vậy, từ khi cho vay đến nay anh T và chị T đã trả cho anh T tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) còn lại là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), chưa đóng tiền lãi cho anh T. Anh T nhiều lần yêu cầu chị T và anh T trả số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng cho anh T, nhưng chị T và anh T chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Theo đơn khởi kiện, anh Trần Thanh T yêu cầu chị Phan Thị T và anh Nguyễn Hữu T cùng liên đới trả cho anh T số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại phiên tòa anh M là người đại diện theo ủy quyền của anh T trình bày. Anh Trần Thanh T yêu cầu chị Phan Thị T và anh Nguyễn Hữu T cùng liên đới trả cho anh Tùng số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Đồng thời, anh T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định là 1,66%/tháng đối với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 06/10/2020 đến ngày 14/4/2023 là 30 tháng 8 ngày x 1,66% x 1.000.000.000 đồng = 502.426.666 đồng (làm tròn 502.000.000 đồng), tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 1.502.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm lẻ hai triệu đồng).

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị T không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

- Biên nhận ngày 6/10/2020 (bản photo);

- Chứng M nhân dân và sổ hộ khẩu (bản photo);

- Hợp đồng ủy quyền (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho bị đơn nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T yêu cầu anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị T trả số tiền vay và lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Anh Thạnh và chị T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị T.

Về nội dung:

[4] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản giữa anh Trần Thanh T và anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị T theo Biên nhận 06/10/2020.

Xét thấy, sau khi thỏa thuận được về số tiền vay, mức lãi suất và thời hạn vay, anh T, anh T và chị T đã xác lập Hợp đồng vay tài sản theo Biên nhận ngày 06/10/2020. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, anh T, anh T và chị T có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng vay tài sản thì anh T, anh T và chị T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa anh T và anh T, chị T có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu của anh Trần Thanh T về việc yêu cầu anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị T trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Xét thấy, theo Biên nhận ngày 06/10/2020 thể hiện anh T đã giao cho anh T và chị T số tiền là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Theo thỏa thuận giữa hai bên khi nào anh T cần thì anh T sẽ thông báo cho anh T và chị T biết trước 01 tháng để anh T và chị T trả số tiền trên cùng lãi cho anh T, sau đó hai bên có thỏa thuận bắt đầu từ ngày 6/7/2021 mỗi tháng bị đơn sẽ trả 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến 6/7/2021 chị T và anh T chỉ trả cho anh T số tiền là 50.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa, vì vậy anh T và chị T không thực hiện việc trả tiền cho anh T theo thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của anh T xác định anh T, chị T chỉ trả cho anh T số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài ra, anh T, chị T không trả thêm khoản tiền nào khác. Anh T đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị T trả số tiền vay còn lại nhưng anh T, chị T cứ hẹn mà không trả. Như vậy, có cơ sở xác định anh T, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Do đó, việc anh Thạnh, chị T có vay tiền của anh T là có thật. Anh Thạnh, chị T không thanh toán tiền vay như thỏa thuận nên vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của anh T là có căn cứ.

[6] Về lãi suất:

Nguyên đơn yêu cầu anh Thạnh, chị T trả khoản tiền lãi theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng trên số tiền gốc còn nợ lại là 1.000.000.000 đồng tính từ ngày 06/10/2020 cho đến ngày xét xử là ngày 14/4/2023.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 6/10/2020 thể hiện khoản vay của anh T, chị T là khoản vay có lãi, theo anh T xác định mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Trong quá trình vay, anh T xác định anh T, chị T chưa trả khoản tiền lãi nào cho anh T.

Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của anh T đã điều chỉnh lãi suất cho vay, theo đó, yêu cầu anh T, chị T trả tiền lãi từ ngày 06/10/2020 cho đến ngày 14/4/2023, với mức lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 1.000.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 30 tháng 8 ngày x 1,66% x 1.000.000.000 đồng = 502.426.666 đồng (nguyên đơn tự nguyện làm tròn là 502.000.000 đồng), tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 1.502.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm lẻ hai triệu đồng). Việc điều chỉnh mức lãi suất và làm tròn lãi suất nêu trên là có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, anh T yêu cầu anh T, chị T trả số tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 502.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng anh Thạnh, chị T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời, anh Thạnh, chị T cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, anh Thạnh, chị T không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, anh T, chị T phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của anh T.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự xác định yêu cầu của anh T là có căn cứ. Buộc anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị T có nghĩa vụ trả cho Trần Thanh T số tiền vốn vay còn nợ là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi 502.000.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ.

[9] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Thạnh, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 28.530.000 đồng.

Anh Trần Thanh T được nhận lại 21.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014666 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 117, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh T;

Buộc anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh T số tiền vốn và lãi là 1.502.000.000 (Một tỷ năm trăm lẻ hai triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Trần Thanh T được nhận lại 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014666 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.530.000 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thùy Vân